**Trường THCS Mỹ Thạnh**

**SINH HỌC LỚP 6 HK II- Năm học 2019-2020**

**Bài 30: THỤ PHẤN (tt).**

**3. Đặc điểm của hoa thụ phấn nhờ gió:**

- Hoa thường tập trung ở ngọn cây.

- Bao hoa thường tiêu giảm.

- Chỉ nhị dài, bao phấn treo lũng lẳng. Hạt phấn rất nhiều, nhỏ và nhẹ.

- Đầu nhụy dài, có nhiều lông.

**4. Ứng dụng kiến thức về thụ phấn:**

Con người có thể chủ động giúp hoa giao phấn để làm tăng sản lượng quả và hạt, tạo được những giống lai mới có phẩm chất tốt và năng suất cao.

**Bài 31: THỤ TINH, KẾT HẠT VÀ TẠO QUẢ**

**1. Hiện tượng nảy mầm của hạt phấn**

- Sau khi tiếp xúc với đầu nhụy, hạt phấn trương lên và nảy mầm thành một ống phấn.

**2. Thụ tinh** (xảy ra ở noãn)

- Thụ tinh là hiện tượng tế bào sinh dục đực (tinh trùng) kết hợp với tế bào sinh dục cái (trứng) có trong noãn tạo thành 1 tế bào mới là hợp tử.

- Sinh sản có hiện tượng thụ tinh là sinh sản hữu tính.

**3. Sự kết hạt và tạo quả**

Sau khi thụ tinh xong:

- Hợp tử phát triển thành phôi

- Noãn phát triển thành hạt chứa phôi

- Bầu nhuỵ phát triển thành quả chứa hạt.

**Chương VIII: QUẢ VÀ HẠT**

**Bài 32: CÁC LOẠI QUẢ**

**1. Căn cứ vào đặc điểm nào để phân chia các nhóm quả?**

\* Dựa vào đặc điểm của vỏ quả có thể chia các quả thành hai nhóm chính:

+ Quả khô

+ Quả thịt

**2. Các loại quả chính**

Dựa vào đặc điểm vỏ quả chia thành 2 loại quả chính:

*Quả khô*: khi chín vỏ: khô, cứng, mỏng. Vd: quả đậu Hà Lan, quả nổ,…

*Quả thịt*: khi chín mềm, vỏ dày, chứa đầy thịt quả. Vd: quả cà chua, táo

a. Các loại quả khô: Có 2 loại:

*Quả khô nẻ*: khi chín, vỏ quả tự tách ra. Vd: quả điệp, quả nổ,…

*Quả khô không nẻ*: khi chín, vỏ quả không tự tách ra được. Vd: quả me, quả thì là, quả chò,…

b. Quả thịt: Có 2 loại:

*Quả mọng*: quả khi chín gồm toàn thịt quả. Vd: đu đủ, cà chua, chuối, …

*Quả hạch*: quả có hạch cứng bọc lấy hạt. Vd: quả xoài, cóc, táo, mơ,…

**Bài 33: HẠT VÀ CÁC BỘ PHẬN CỦA HẠT**

**1. Các bộ phận của hạt**

- Hạt gồm vỏ, phôi và chất dinh dưỡng dự trữ.

- Phôi hạt gồm: rễ mầm, thân mầm, chồi mầm và lá mầm.

- Chất dinh dưỡng dự trữ của hạt chứa trong lá mầm hoặc trong phôi nhũ.

**2. Phân biệt hạt một lá mầm và hạt hai lá mầm**

*Cây Hai lá mầm*: phôi của hạt có 2 lá mầm. Vd: đậu xanh, cải, cà chua…

*Cây một lá mầm*: phôi của hạt có 1 lá mầm. Vd: lúa, ngô, mía…

**Bài 36:** **TỔNG KẾT VỀ CÂY CÓ HOA**

**I. Cây là 1 cơ thể thống nhất**

**1. Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức năng ở mỗi cơ quan của cây có hoa**

- Cây có hoa có nhiều cơ quan, mỗi cơ quan đều có cấu tạo phù hợp với chức năng riêng của chúng.

**2. Sự thống nhất về chức năng giữa các cơ quan ở cây có hoa**

- Các cơ quan của cây xanh có mối quan hệ mật thiết và ảnh hưởng lẫn nhau.

- Tác động lên 1 cơ quan sẽ ảnh hưởng đến các cơ quan khác và toàn bộ cây.

**Bài 37: TẢO**

**I. Cấu tạo của tảo**

1) Quan sát tảo xoắn (tảo nước ngọt)

- Tảo xoắn có màu xanh, sống ở các ruộng lúa, mương rãnh,…

- *Sinh sản*: đứt đoạn hoặc tiếp hợp tạo tảo mới.

2) Quan sát rong mơ (Tảo nước mặn)

- Rong mơ có màu nâu, sống ở vùng ven biển nhiệt đới.

- Rong mơ sinh sản sinh dưỡng và sinh sản hữu tính.

**II. Một vài tảo khác thường gặp**

*Tảo đơn bào*: tảo tiểu cầu, tảo silic,…

*Tảo đa bào*: tảo vòng, rau câu, …

🞚 Đặc điểm chung của tảo:

- Cơ thể gồm 1 hoặc nhiều tế bào, cấu tạo rất đơn giản.

- Có chất diệp lục, hầu hết sống ở nước.

- Sinh sản sinh dưỡng hoặc sinh sản hữu tính.

**III. Vai trò của tảo**

Có lợi:

+ Cung cấp oxi, làm thức ăn cho động vật nhỏ ở nước.

+ Một số loại tảo làm thức ăn cho người, động vật.

Có hại:

+ Một số loại tảo sinh sản nhanh gây hiện tượng “nước nở hoa” gây chết cá.

+ Tảo xoắn, tảo vòng sống trong ruộng lúa làm lúa không đẻ nhánh được.

**Bài 38: RÊU – CÂY RÊU**

**1. Môi trường sống của rêu**

- Rêu sống ở cạn, ở những nới đất ẩm ướt như: Bờ tường, thân cây to,…

**2. Quan sát cây rêu**

- Rêu là thực vật đã có rễ, thân, lá, nhưng cấu tạo còn đơn giản:

Lá nhỏ, mỏng.

Thân ngắn, không phân nhánh,

Chưa có rễ chính thức (rễ giả: chỉ là những sợi nhỏ có chức năng hút nước)

Chưa có mạch dẫn.

**3. Túi bào tử và sự sinh sản của rêu**

- Rêu sinh sản bằng bào tử.

- Cơ quan sinh sản là túi bào tử nằm ở ngọn cây.

- Bào tử nẩy mầm phát triển thành cây rêu mới khi gặp điều kiện thuận lợi.

**4. Vai trò của rêu**

- Góp phần hình thành chất mùn.

- Làm phân bón, chất đốt.

**Bài 39: QUYẾT – CÂY DƯƠNG XỈ**

**1. Quan sát cây dương xỉ**

**- Cây dương xỉ** thường sống chổ ẩm, có bóng râm: bờ ruộng, khe tường, …

**a.Cơ quan sinh dưỡng**: gồm:

- Lá già có cuống dài, lá non cuộn tròn,

- Thân ngầm, hình trụ,

- Rễ thật,

- Có mạch dẫn.

**b.Túi bào tử và sự phát triển của cây dương xỉ**:

- Dương xỉ sinh sản bằng bào tử.

- Cơ quan sinh sản là các túi bào tử nằm ở mặt dưới lá già.

- Bào tử nẩy mầm tạo thành nguyên tản sau khi thụ tinh thì tạo thành cây dương xỉ mới.

**2. Một vài loại dương xỉ thường gặp ( đọc sgk)**

**3. Quyết cổ đại và sự hình thành than đá( đọc sgk)**

**Bài 40: HẠT TRẦN – CÂY THÔNG**

**I. Cơ quan sinh dưỡng**

- Thân gỗ, có mạch dẫn,

- Lá nhỏ hình kim, mọc từ cành con ngắn.

- Rễ cọc, to, khỏe, đâm sâu xuống đất.

**II. Cơ quan sinh sản (**nón**)**

Có 2 loại: Nón đực và nón cái.

1) Nón đực

- Nhỏ, mọc thành cụm, khi chín có màu vàng.

- Gồm: Trục nón; vảy (nhị) mang túi phấn, chứa hạt phấn.

2) Nón cái

- Lớn, mọc riêng lẻ, khi chín có màu nâu, vảy hở.

- Gồm: trục nón; vảy (lá noãn) mang noãn lộ ra ngoài.

\* Hạt

- Nằm lộ trên lá noãn hở (nên gọi là Hạt Trần).

- Chưa có quả thật sự.

**III. Giá trị của cây hạt Trần.**

- Cho gỗ tốt, thơm

- Làm cảnh vì có dáng đẹp

**Bài 41: HẠT KÍN – ĐẶC ĐIỂM CỦA THỰC VẬT HẠT KÍN**

**1. Quan sát cây có hoa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cây** | **Dạng thân** | **Dạng rễ** | **Kiểu lá** | **Gân lá** | **Cánh hoa** | **Quả (nếu có)** | **Môi trường sống** |
| 1 | Cam | Gỗ | Cọc | Đơn | Hình mạng | Rời | Mọng | Ở cạn |
| 2 | Ổi | Gỗ | Cọc | Đơn | Hình mạng | Rời | Mọng | Ở cạn |
| 3 | Xấu hổ | Cỏ | Cọc | Kép | Hình mạng | Rời | Khô không nẻ | Ở cạn |
| 4 | Bèo tây | Cỏ | Chùm | Đơn | Song song | Dính |  | Ở nước |
| 5 | Hành | Cỏ | Chùm | Đơn | Song song | Dính |  | Ở cạn |

**2. Đặc điểm của cây hạt kín**

※ *Hạt kín là nhóm thực vật đã có hoa. Chúng có đặc điểm chung*:

Cơ quan sinh dưỡng:

+ Phát triển đa dạng: rễ cọc, rễ chùm, thân gỗ, thân cỏ, lá đơn, lá kép…

+ Có mạch dẫn phát triển.

Cơ quan sinh sản:

+ Hoa: có bầu nhuỵ khép kín chứa noãn.

+ Hạt được giấu trong quả (gọi là hạt kín).

Môi trường sống: đa dạng.

⇒ Hạt kín là nhóm thực vật tiến hoá hơn cả.

**Bài 42: LỚP HAI LÁ MẦM VÀ LỚP MỘT LÁ MẦM**

**1.Cây Một Lá mầm và cây Hai lá mầm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Lớp Một lá mầm** | **Lớp Hai lá mầm** |
| Rễ | Rễ chùm | Rễ cọc |
| Thân | Thân cỏ, cột | Thân gỗ, cỏ, leo |
| Kiểu gân lá | Gân lá song song hoặc hình cung | Gân lá hình mạng |
| Số cánh hoa | Hoa có 6 hoặc 3 cánh | Hoa có 5 hoặc 4 cánh |
| Hạt | Phôi có một lá mầm | Phôi có hai lá mầm |

**2. Đặc điểm phân biệt giữa lớp Một lá mầm và lớp Hai lá mầm**

Tự đọc SGK

**Bài 43: KHÁI NIỆM SƠ LƯỢC VỀ PHÂN LOẠI THỰC VẬT**

**I. Phân loại thực vật là gì ?**

\* Phân loại thực vật là tìm hiểu sự giống và khác nhau giữa các dạng thực vật để phân chia chung thành các bậc phân loại.

**II. Các bậc phân loại thực vật:**

Giới thực vật được phân loại theo thứ tự từ cao đến thấp: Ngành − Lớp − Bộ − Họ − Chi − Loài.

- Ngành là bậc phân loại cao nhất.

- Loài là bậc phân loại cơ sở. Các cây cùng loài có nhiều điểm giống nhau về hình dạng, cấu tạo.

Bậc càng thấp thì sự khác nhau giữa các thực vật cùng bậc càng ít.

**III.Các ngành thực vật**

Sơ đồ SGK

**Bài 45 NGUỒN GỐC CÂY TRỒNG**

**I. Cây trồng bắt nguồn từ đâu ?**

Cây trồng bắt nguồn từ cây dại, tuỳ theo mục đích sử dụng mà từ một loài cây dại ban đầu con người đã tạo ra nhiều loại cây trồng khác xa và tốt hơn hẳn tổ tiên hoang dại của chúng.

**II. Cây trồng khác cây hoang dại như thế nào?**

Cây trồng khác cây hoang dại ở chính những bộ phận mà con ngưòi sử dụng.

**III. Muốn cải tạo cây trồng cần phải làm gì ?**

Cải biến đặc tính di truyền của giống cây .

Chọn các biến đổi có lợi giữ làm giống .

Nhân giống nhanh .

Chăm sóc cây tốt.

**VAI TRÒ THỰC VẬT**

**1. Nhờ đâu hàm lượng khí cacbonic và oxi trong không khí được ổn định?**

Đọc SGK

**2. Thực vật góp phần điều hoà khí hậu và làm giảm ô nhiễm môi trưòng**

-Thực vật giúp điều hoà khí hậu, làm không khí trong lành, mát mẻ, cản bớt ánh sáng và tốc độ gió, làm tăng lượng mưa trong khu vực.

- Lá cây ngăn bụi, cản gió, một số cây tiết chất diệt vi khuẩn.

**3. Thực vật giúp giữ đất, chống xói mòn, góp phấn hạn chế lũ lụt, hạn hán, bảo vệ nguồn nước ngầm:**

- Thực vật rừng nhờ có hệ rễ giúp giữ đất, tán lá cây giúp cản bớt lượng nước chảy do mưa lớn gây ra.

- Nhờ tác dụng của tán lá và hệ rễ nên thực vật góp phần làm hạn chế lũ lụt, hạn hán.

- Nhờ thực vật mà sau khi mưa, nước bị giữ lại 1 phần, thấm dần vào đất tạo thành nước ngầm.

**4. Thực vật cung cấp khí oxi, thức ăn, nơi ở và nơi sinh sản cho động vật.**

- Thực vật cung cấp ôxy và thức ăn cho động vật.

- Thực vật cung cấp nơi ở và nơi sinh sản cho động vật

**5. Thực vật với đời sống con người:**

a) Những cây có giá trị sử dụng: thực vật có công dụng nhiều mặt:

Làm thức ăn: các loại rau, trái cây, …

Cung cấp lương thực: lúa, ngô, …

Lấy gỗ: trắc, mun, cẩm lai, …

b) Những cây có hại cho sức khoẻ con người:

Cây thuốc lá: có nhiều chất nicotin gây hại cho hệ hô hấp: gây ung thư khí quản, phổi,

Cây thuốc phiện, cần sa: chứa các chất độc như: moocphin, heroin, … gây nghiện ngập rất khó bỏ.

**Bài 49: BẢO VỆ SỰ ĐA DẠNG CỦA THỰC VẬT**

**1. Đa dạng thực vật là gì?**

- Đa dạng thực vật là sự phong phú về các loài, các cá thể của loài và môi trường sống của chúng.

**2. Tình hình đa dạng của thực vật ở Việt Nam**

a) Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật:

\* Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật:

+ Có nhiều loài, 1 số loài quý hiếm . + Môi trường sống đa dạng.

b) Sự suy giảm tính đa dạng của thực vật ở Việt Nam:

*Nguyên nhân*:

+ Cây có giá trị kinh tế bị khai thác bừa bãi .

+ Rừng bị tàn phá.

*Hậu quả*: Nhiều loài thực vật trở nên quý hiếm, 1 số bị tuyệt chủng .

\* Thực vật quý hiếm: là những thực vật có giá trị kinh tế và có xu hướng ngày càng ít đi do bị khai thác quá mức.

**3. Các biện pháp bảo vệ sự đa dạng thực vật:**

Ngăn chặn phá rừng,

Hạn chế khai thác bừa bãi thực vật quý hiếm .

Xây dựng: vườn thực vật, khu bảo tồn thiên nhiên, …

Cấm buôn bán, xuất khẩu các loài quý hiếm đặc biệt.

Tuyên truyền giáo dục người dân cùng tham gia trồng và bảo vệ rừng .

**CHƯƠNG X: VI KHUẨN – NẤM – ĐỊA Y**

**Bài 50 VI KHUẨN**

**I. Hình dạng, kích thước và cấu tạo của vi khuẩn**

- Hình dạng: vi khhuẩn có nhiều hình dạng: hình cầu, hình que, hình dấu phẩy, hình xoắn, …

- Kích thước: rất nhỏ,

- Cấu tạo: có vách tế bào, chất tế bào, chưa có nhân hoàn chỉnh.

**II, III (đọc SGK)**

**IV. Vai trò của vi khuẩn**

1) Vi khuẩn có ích:

Phân huỷ chất hữu cơ thành các chất vô cơ → cây sử dụng (bảo đảm được nguồn vật chất trong tự nhiên).

Góp phần hình thành than đá, dầu lửa.

Nhiều vi khuẩn có ích trong công nghiệp và nông nghiệp.

2) Vi khuẩn có hại:

Gây bệnh cho người, vật nuôi và thực vật.

Gây hiện tượng thối rữa làm hư thức ăn và ô nhiễm môi trường.

**V. Sơ lược về vi rut**

Virut rất nhỏ,

Chưa có cấu tạo tế bào sống,

Sống kí sinh bắt buột trên cơ thể vật chủ.

**Bài 51: NẤM**

**I. Mốc trắng:**

1) Qsát hdạng, cấu tạo mốc trắng:

Mốc trắng có dạng sợi, phân nhánh nhiều.

Màu sắc: không màu.

Cấu tạo: có chất tế bào, nhiều nhân, không có vách ngăn giữa các tế bào.

Dinh duỡng: hoại sinh.

Sinh sản: bằng bào tử (SSVT)

2) Một vài loại mốc khác: sgk

**II. Nấm rơm: cấu tạo có 2 phần:**

Sợi nấm: là CQSD: cấu tạo gồm nhiều tế bào phân biệt nhau bởi vách ngăn, mỗi tế bào có 2 nhân, không có diệp lục.

Mũ nấm: là CQSS nằm trên cuống nấm: mặt dưới mũ nấm có các phiến mỏng mang các bào tử.

Bài 51: **NẤM (tt)**

***II. Tầm quan trọng của nấm***

**1. Nấm có ích:**

- Phân giải chất hữu cơ thành chất vô cơ.

- Sản xuất rượu, bia, chế biến một số thực phẩm, làm men nở bột mì.

- Làm thức ăn

- Làm thuốc.

**2**. **Nấm có hại:**

- Nấm kí sinh gây bệnh cho con người và thực vật

- Nấm mốc làm hỏng thức ăn, đồ dùng.

- Nấm độc có thể gây ngộ độc.

HẾT

-----------------------------------